
TRAO ĐỔI

**THIẾT KẾ CÁC DỰ ÁN HỌC TẬP LIÊN QUAN ĐẾN
8 CHỈ SỐ THÔNG MINH VÀ 21 KỸ NĂNG THỰC TẾ
NHẪM TĂNG ĐỘNG LỰC HỌC
MÔN THUYẾT TRÌNH TIẾNG ANH**

Nguyễn Thị Hằng Nga*

*Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 11 tháng 7 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 3 tháng 4 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt: Đổi mới dạy và học luôn là một trong những khát vọng chính trị của các nhà lãnh đạo quốc gia và lãnh đạo giáo dục. “Thực học, thực nghiệp” là những mục tiêu nổi bật trong chính sách giáo dục quốc gia. Vấn đề nghiên cứu trong bài báo này là thiết kế các dự án học tập liên quan đến 21 kỹ năng thực tế và 8 chỉ số thông minh nhằm gia tăng động lực học tập trong môn học thuyết trình. Nghiên cứu này chịu ảnh hưởng từ các quan điểm trong chính sách đổi mới giáo dục quốc gia, xu hướng đổi mới giáo dục toàn cầu và dự báo nhu cầu của xã hội về lực lượng lao động. Chúng tôi thực hiện trong 3 năm, với sự tham gia của 05 lớp sinh viên không chuyên thuộc hệ Tiên tiến của Đại học Quốc gia Hà Nội. Số liệu được thu thập thông qua phỏng vấn sâu các sinh viên có kết quả chưa cao nhưng tiến bộ nhiều, phỏng vấn sâu các sinh viên có kết quả xuất sắc, bảng hỏi trực tiếp cho tất cả các sinh viên, bảng hỏi trực tuyến và nhật ký lớp học của giảng viên. Kết quả cho thấy sự cải thiện đáng kể ở mọi chỉ số, đặc biệt là kỹ năng sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, từ đó gia tăng cảm hứng học tập. Giảng viên cũng năng động hơn và nhìn ra nhiều cơ hội đổi mới hơn. Bài viết của chúng tôi có thể là gợi ý cho các giảng viên vẫn đang lúng túng khi triển khai những lý luận đổi mới giáo dục, góp phần vào đổi mới giáo dục bậc đại học, khẳng định thành tựu của các khóa học giàu tính thực tế và chú trọng thực hành.

Từ khóa: kỹ năng thuyết trình, học bằng dự án, chỉ số thông minh, kỹ năng công việc thiết yếu

1. Mở đầu

Sự thay đổi về giáo dục 4.0 là một đột phá khác với những thay đổi từ giáo dục 1.0, 2.0 đến 3.0. Nó thực chất là một cuộc cách mạng về con người, đặt ra yêu cầu học tập không ngừng nghỉ, thực học và thực dùng nội dung đã học. Theo UNESCO (1996, 2010), giáo dục thế kỷ 21 nhằm 4 mục tiêu: học để biết, học để làm, học để sống cùng nhau và sống với nhau, học để khám phá bản thân/để trưởng

thành (learn to be). Giáo dục ngoại ngữ cũng chuyển đổi mạnh mẽ theo xu hướng này, do đó dạy ngoại ngữ không chỉ nhằm cung cấp kiến thức về ngôn ngữ, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết (to know), mà còn giúp người học trở thành những người có năng lực sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện để giải quyết các vấn đề của thực tại cá nhân (to do), phát triển bản thân (to be), giao tiếp và tương tác với các cá nhân khác trong lớp học, trong cộng đồng và trong xã hội (to live together, to live with others). Các nội dung về *To Know*, *To Do* và *To Be* cũng

* ĐT.:84-987888976

Email: hangngakhtn@yaho.com

là những biến lượng thay đổi không ngừng. Chúng tôi cũng bám sát và tham khảo Nghị quyết trung ương 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục; Quyết định số 2080/QĐ-TTg điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 – 2025; thay đổi trong nền giáo dục 4.0; những dự báo về các kỹ năng nghề nghiệp nổi bật (emerging skills) trong tương lai của Diễn đàn Kinh tế Thế giới ở Việt Nam và các quốc gia, khu vực khác như Vương quốc Anh, Bắc Mỹ để tạo ra các dự án học tập¹ sao cho phù hợp, vừa đạt được mục tiêu môn học, vừa cải thiện 21 kỹ năng thực tế và 8 chỉ số thông minh. Chúng tôi thực hiện nghiên cứu này theo phương pháp mô tả, trình bày kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình nghiên cứu giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các quan điểm vĩ mô ảnh hưởng đến việc xây dựng các dự án học tập mới trong môn học *Thuyết trình tiếng Anh*.

2.1.1. *Nghị quyết Trung ương số 29 của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*

Ban chấp hành Trung ương (2013) đưa ra quan điểm chỉ đạo gồm có “Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học. Học đi đôi với hành; lý luận gắn với thực tiễn, phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội”. Mục tiêu gồm có “Xây dựng nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp”. Đối với giáo dục đại học, mục tiêu gồm có “tập trung đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài,

phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học”.

2.1.2. *Thay đổi trong nền giáo dục 4.0*

Hussin (2018) cho rằng nền giáo dục 4.0 đã, đang và sẽ chuyển đổi theo những nội dung dưới đây. Giảng viên nắm bắt đúng những thay đổi và theo đó điều chỉnh nội dung thì hiệu quả dạy học sẽ cải thiện rõ rệt. Ví dụ, ở thời kỳ giáo dục trước chúng ta thiên về dạy kiến thức nhưng nay, những giá trị như SỰ TỰ TIN của người học đã được đề cập như một điểm nhấn.

- Học mọi nơi mọi lúc, lớp học đảo ngược đóng vai trò quan trọng;

- Tăng cường sự tự tin của người học về các khả năng học thuật;

- Người học chủ động lựa chọn những thứ họ muốn học;

- Người học tiếp xúc nhiều với các dự án học tập để thực hành các kỹ năng quan trọng cho nghề nghiệp và tương lai của họ như kỹ năng tổ chức, quản lý thời gian, hợp tác...;

- Người học có cơ hội thực hành trong chuyên môn của mình;

- Người học có nhiều cơ hội lí giải số liệu (data interpretation);

- Người học được đánh giá theo nhiều cách mới và trong suốt quá trình;

- Người học đóng góp ý kiến để thay đổi chương trình đào tạo;

- Người học độc lập hơn nên giáo viên chuyển sang vai trò người hướng dẫn, tạo điều kiện (facilitator), cơ hội và môi trường học tập hứng thú.

2.1.3. *Những dự báo về các kỹ năng nghề nghiệp nổi bật trong tương lai*

Mục tiêu của đào tạo đại học bao gồm đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực lao động, và

¹ Dự án học tập là những nhiệm vụ do giáo viên sáng tạo ra, mô phỏng những hoạt động thực tế của đời sống xã hội nhằm đạt được mục tiêu của môn học. Phương pháp dạy học này được gọi là học tập qua dự án (Project-based Learning).

rộng hơn là phát triển con người toàn diện. Do vậy, việc tham khảo các dự đoán nhu cầu về nguồn nhân lực cho các công việc trong tương lai sẽ có đóng góp thiết thực để những ý tưởng

đổi mới trong nhà trường tạo ra sự chuẩn bị nghiệp vụ vững chắc cho tương lai. Nghiên cứu này tham khảo dự báo của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2018.

Bảng 1. Kỹ năng nghề nghiệp nổi bật (emerging skills) trong tương lai

Kỹ năng nghề nghiệp nổi bật trong tương lai (Diễn đàn Kinh tế Thế giới, 2018)			
Xu hướng chung	ĐỐI VỚI VIỆT NAM	VƯƠNG QUỐC ANH	BẮC MỸ
Tư duy phân tích và đổi mới	Tư duy phân tích và đổi mới	Tư duy phân tích và đổi mới	Tư duy phân tích và đổi mới
Chiến lược học tập và học tập chủ động	Sáng tạo	Sáng tạo	Sáng tạo
Sáng tạo	Chiến lược học tập và học tập chủ động	Chiến lược học tập và học tập chủ động	Chiến lược học tập và học tập chủ động
Thiết kế và lập trình công nghệ	Phân tích và tư duy phản biện	Thiết kế và lập trình công nghệ	Thiết kế và lập trình công nghệ
Phân tích và tư duy phản biện	Lãnh đạo và ảnh hưởng xã hội	Giải quyết vấn đề phức hợp	Phân tích và tư duy phản biện
Giải quyết vấn đề phức hợp	Giải quyết vấn đề phức hợp	Phân tích và tư duy phản biện	Giải quyết vấn đề phức hợp
Lãnh đạo và ảnh hưởng xã hội	Thiết kế và lập trình công nghệ	Lãnh đạo và ảnh hưởng xã hội	Lãnh đạo và ảnh hưởng xã hội
Trí tuệ cảm xúc	Trí tuệ cảm xúc	Phân tích và đánh giá hệ thống	Lý luận, giải quyết vấn đề và hình thành tư tưởng
Lý luận, giải quyết vấn đề và hình thành tư tưởng	Lý luận, giải quyết vấn đề và hình thành tư tưởng	Lý luận, giải quyết vấn đề và hình thành tư tưởng	Trí tuệ cảm xúc
Phân tích và đánh giá hệ thống	Phân tích và đánh giá hệ thống	Trí tuệ cảm xúc	Phân tích và đánh giá hệ thống

Trong 10 kỹ năng, 3 kỹ năng chiếm các vị trí hàng đầu là Tư duy phân tích và đổi mới, Sáng tạo¹, Chiến lược học tập và học tập chủ động.

Căn cứ những lý luận trên và mục tiêu chính của môn học thuyết trình, là truyền đạt ý tưởng theo cách hứng thú, khoa học và hiệu quả đến người nghe, chúng tôi xây dựng 8 dự án trong và ngoài lớp học. Yêu cầu sản phẩm

đầu ra là video trình diễn thơ, video diễn kịch, video sự kiện Lễ hội Tình yêu, video ứng phó câu hỏi thuyết trình, video hát đơn ca, poster ôn tập lý thuyết môn học khổ lớn, bài thuyết trình khoa học trước công chúng. Thông qua các dự án nói trên, người học có cơ hội phát triển kỹ năng lãnh đạo bản thân, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng sáng tạo, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, kỹ năng học và tự học, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng sử

¹ Sáng tạo liên quan đến tưởng tượng (imagination), đổi mới liên quan đến hành động thực hiện (implementation).

dụng ngôn ngữ, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng tự tạo động lực làm việc, kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ, kỹ năng ca hát trước đông người, kỹ năng tự tin trước đông người, kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng quan sát, kỹ năng tư duy tích cực, kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng sử dụng giọng nói, kỹ năng tổng hợp thông tin, và kỹ năng liên hệ thực tế. Nhờ rèn luyện 21 kỹ năng này, người học mới có thể trở thành một người thuyết trình xuất sắc.

2.2. Thực tiễn triển khai các dự án học tập của môn học

2.2.1. Cách thực hiện

Bảng 2. Các dự án chính trong khóa học

Dự án	Cá nhân	Cặp	Nhóm	Cả lớp	Nội dung dự án	Sản phẩm
Dự án 1			x		diễn kịch	video
Dự án 2	x	x			trình diễn thơ	video
Dự án 3			x		ôn tập lý thuyết môn học	Poster
Dự án 4		x		x	Kịch	video
Dự án 5			x		sự kiện Lễ hội Tình yêu	video
Dự án 6	x				ứng phó câu hỏi thuyết trình	video
Dự án 7	x				hát đơn ca	video
Dự án 8	x				bài thuyết trình khoa học trước công chúng	Bài thuyết trình độc lập

2.2.2. Các bước triển khai

Đầu khóa học, ngoài những mục tiêu định lượng thông thường như điểm tiến bộ, điểm giữa kì, điểm cuối kì, giảng viên cung cấp cho sinh viên bảng *Mục tiêu gia tăng* của khóa học gồm việc cải thiện 21 kỹ năng và 8 chỉ số đa trí tuệ. Giảng viên cũng dành thời gian trao đổi, làm rõ ứng dụng thực tế trong từng khâu để hình thành nên một bài thuyết trình chuyên nghiệp và quá trình rèn luyện các kỹ năng đó; cách thức nâng cao chỉ số đa trí tuệ như thế nào trong bối cảnh lớp học (xem phụ lục). Đây vừa là sự định hướng, là “tuyên ngôn” về đầu ra của khóa học, và quan trọng hơn cả vừa là

Giảng viên xây dựng dự án cho các lớp học theo phương pháp dựa vào kỹ năng (skill-based), được hỗ trợ bởi phương pháp học thông qua dự án (project-based). Những nội dung lý thuyết của môn học được thực hiện trên lớp theo cách học truyền thống kết hợp với cách học đảo ngược¹ (flipped learning).

Sinh viên thực hiện dự án: được hướng dẫn, lập kế hoạch trên lớp và hoàn thiện ngoài lớp học.

Sản phẩm được giao nộp và trưng bày trong nhóm Facebook (FB) riêng của lớp, được tập thể và giảng viên nhận xét, đánh giá. Riêng dự án 3 và 8 nghiệm thu trên lớp.

chiến lược tăng động lực học tập cho sinh viên (Nguyễn Thị Hằng Nga, 2017).

Trong suốt khóa học, các em thực hiện dự án theo nhóm, cặp, cá nhân ngoài lớp học và chia sẻ sản phẩm vào nhóm FB chung. Các thành viên cùng xem, đánh giá và học hỏi lẫn nhau.

Cuối khóa, sinh viên tự đánh giá mức cải thiện về 21 kỹ năng và 8 chỉ số đã nêu trong

¹ Sinh viên đọc tài liệu, xem video, hoặc đọc các nghiên cứu đã xuất bản của giảng viên để tìm kiếm và khai thác thông tin trước buổi học; sau đó trao đổi tại lớp và thực hành các kỹ năng, ưu tiên tương tác xã hội, tạo môi trường phát triển các đôi bạn học tập (Nguyễn Thị Hằng Nga, 2017).

bảng *Mục tiêu gia tăng*. Giảng viên tổng hợp số liệu, biểu thị bằng biểu đồ và chia sẻ kết quả với lớp.

2.2.3. Kết quả khảo sát

Chúng tôi thu thập kết quả khảo sát từ 03 khóa học gồm 5 lớp, tổng cộng 63 sinh viên bằng 3 hình thức sau: bảng hỏi về tự đánh giá trực tuyến và trực tiếp của sinh viên, phỏng vấn sâu với sinh viên tiến bộ mạnh mẽ, phỏng vấn sâu với tác giả của các bài thuyết trình xuất sắc và nhật kí giảng dạy của giảng viên. Chúng tôi trình bày kết quả khảo sát theo khóa như dưới đây.

Khóa 60 (30 sinh viên) Phỏng vấn sâu với sinh viên có tiến bộ mạnh mẽ

“Khóa học không cần sách vở hay giáo trình dày cộp, chép bài rồi học thuộc mà cần ở sự luyện tập thực hành và va chạm với các tình huống trong thực tế, không phải chỉ có thầy giảng trò nghe, học sinh học kiến thức từ thầy cô mà nó còn rộng hơn thế; cô cũng học từ trò, trò học từ trò, trò học từ những người khác trên khắp thế giới, không chỉ học từ những cái tốt mà khóa học còn dạy cho bọn em học cả từ những lỗi lầm và thất bại. Thực sự khóa học đã giúp tất cả các sinh viên mở mang được rất nhiều kiến thức trong học tập cũng như trong cuộc sống. Khóa học đã làm thay đổi hoàn toàn con người bọn em vì bọn em không còn sợ khi đứng trước đám đông, biết cách gây ấn tượng và dấu ấn riêng cho bài thuyết trình, tự tin hơn rất nhiều khác hẳn với khi bọn em khi chưa được học...”

“Cô luôn lấy các ví dụ thực tế như bài phát biểu nổi tiếng rồi phân tích rất kỹ cho bọn em hiểu chỗ này phải đọc như thế nào, lúc nào cần lên giọng lúc nào xuống giọng, lúc nào đọc chậm hay đọc nhanh... Những cái này chưa bao giờ có ai chỉ bảo cho bọn em... Em ấn tượng với rất nhiều bài học của cô như “give me your money”, rồi mỗi lần bắt chước

bà Hillary Clinton hay như ở khoá học trước cô cho cả lớp hát rồi lên biểu diễn trước lớp nữa... rất nhẹ nhàng nhưng lại mang được rất nhiều điều bổ ích: bọn em hiểu điều mà cô muốn gửi gắm qua chúng và bọn em lại còn được thêm một tràng cười... cảm giác rất rất thích ạ. Em nghĩ nó đã xoá bỏ khoảng cách giữa cô trò cũng như giữa các bạn trong lớp. Điều này em thấy rất quan trọng trong việc xoá bỏ nỗi sợ và tự tin biểu diễn trước khán giả.”

“Việc cô thường xuyên cho bọn em lên bảng biểu diễn làm cho bọn em thấy quen với việc đứng trước đám đông và em nghĩ bất kì ai theo phương pháp này cũng sẽ xoá bỏ nỗi sợ và tạo được sự tự tin khi đứng trước đám đông. Vì vậy em đã lên ý tưởng từ rất sớm cũng đọc nhiều tài liệu trên mạng để chọn cái hay đưa vào bài thuyết trình... trong tuần trước khi thi, cứ mỗi ngày em dành 30 phút buổi sáng và 30 phút tối trước khi đi ngủ để luyện tập rồi áp dụng những kiến thức cô đã dạy vào bài thuyết trình.”

“Em đã có được rất nhiều kinh nghiệm và bài học giúp em tự tin hơn, can đảm, tâm huyết hơn với môn này, em nhận ra nó thực sự không dừng lại ở điểm số, cái quan trọng là học được kỹ năng về thuyết trình, bên cạnh đó còn giúp em có thể vận dụng sáng tạo hơn trong học tập cũng như cuộc sống...”, “em cũng rất mong muốn là sau khi nghe bài thuyết trình của em, mọi người có thêm kiến thức mới...”

Phỏng vấn sâu với tác giả của các bài thuyết trình xuất sắc

Thu Hương cho rằng “Em nghĩ đến những mong đợi của khán giả với bài thuyết trình và đặt mình vào vị trí của họ để suy nghĩ thật chu đáo”.

Khánh Linh cho rằng “Cần làm rõ mục đích của bài thuyết trình, điều gì làm cho bài nói có ý nghĩa đối với cuộc sống thực tế của chúng ta, với mong muốn của mọi người. Hãy

thông cảm với những cộng đồng nghèo, yếu, hãy kiên nhẫn và hy vọng”.

Fernando (sinh viên chương trình trao đổi ĐHQGHN-Indonesia) “Tôi ngưỡng mộ mỗi khi ai đó nói tốt trước công chúng và tôi muốn được như họ. Tôi không biết rằng có cách để học nó. Bây giờ, tôi đã biết những bí mật đó”.

Bích Ngọc “Để có một slide dễ hiểu mà vẫn bao hàm nhiều thông tin hay, trước hết người thuyết trình cần hiểu mục đích chính của người thuyết trình là làm cho người nghe hiểu được thông điệp của mình chứ không phải chứng tỏ rằng mình uyên bác, mình biết nhiều như thế nào. Từ đó ta sẽ tìm cách chắt lọc thông tin, chế biến cho người đọc dễ tiêu hóa chúng nhất. Nghĩ về các chiến lược mình sẽ làm và nghiên cứu gu thẩm mỹ của người nghe trước rồi tìm các nguồn tài liệu cộng với vốn sống thực tế của mình, kết hợp chúng một cách logic nhất.

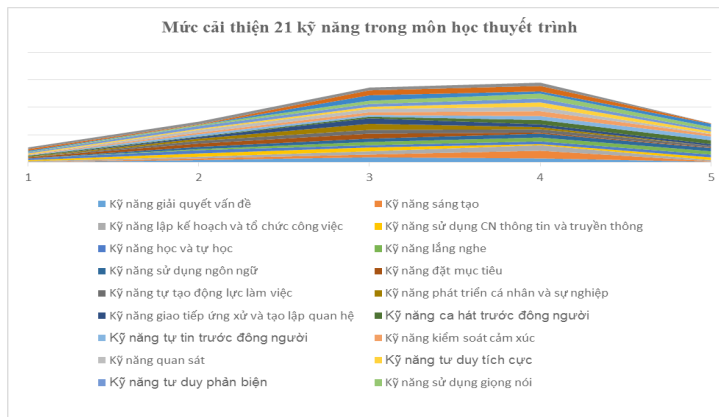
Gia Hân “Làm sao để khiến những thông tin của 1 chủ đề cũ trở nên thú vị và bất ngờ? Điều cần thiết đầu tiên trước khi bắt đầu làm một bài thuyết trình về 1 chủ đề đã có từ rất lâu là cần phải tìm hiểu xem mọi người hiểu

về nó như thế nào? Theo 1 cách phiến diện hay toàn diện? Việc chọn 1 chủ đề mà hầu hết mọi người đều biết nhưng không hiểu hết về nó sẽ dễ dàng gây được ấn tượng hơn. Tiếp đó là việc chọn lọc thông tin để đưa vào bài thuyết trình. Nên chọn những thông tin gần với cuộc sống hằng ngày nhất nhưng không nhiều người để ý nhất. Không nêu những thứ mà tất cả mọi người đều biết rồi và đưa vào những thông tin “phản đối lại cách hiểu phiến diện” của mọi người.”

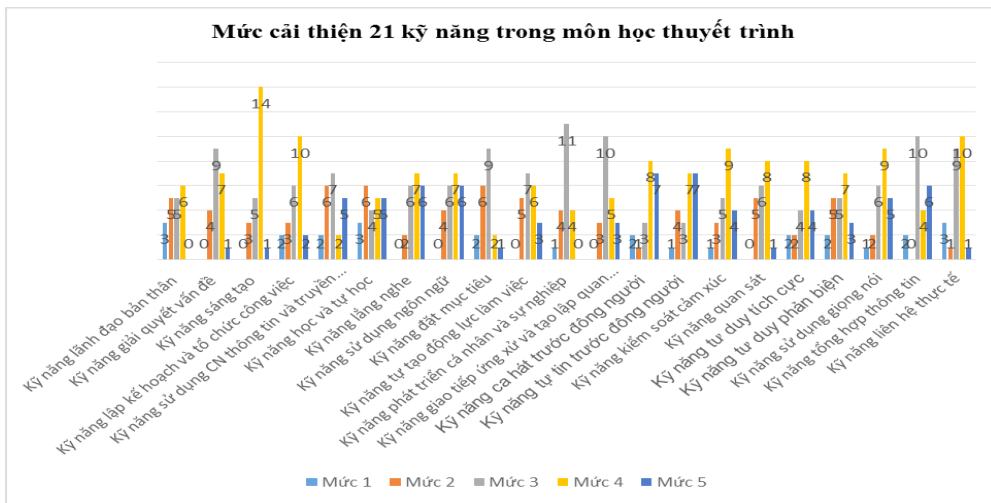
Khóa 61(24 sinh viên)

Phát bảng hỏi trực tiếp

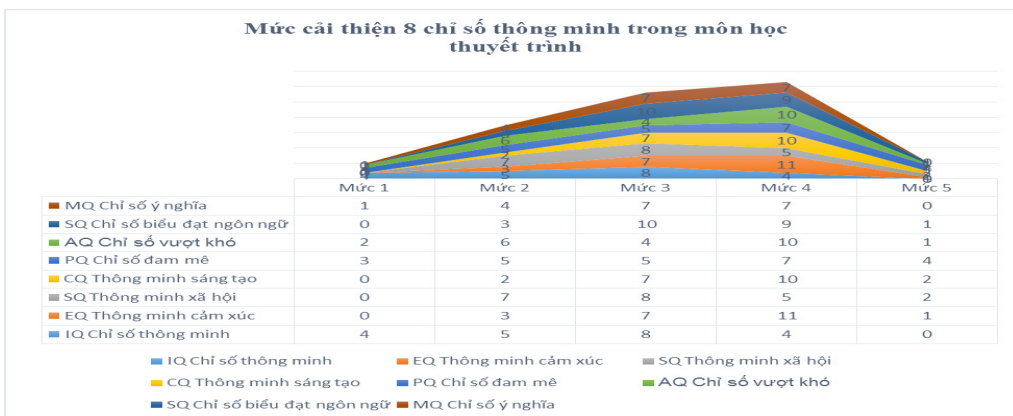
Kết quả tự đánh giá của sinh viên là các biểu đồ 1a, 1b biểu thị mức tiến bộ về 21 kỹ năng; biểu đồ 2a, 2b biểu thị mức tiến bộ về thông minh đa trí tuệ. Chúng tôi sử dụng thêm các chỉ số thông minh để kiểm tra độ tin cậy về kết quả đánh giá mức tiến bộ kỹ năng của sinh viên. Ví dụ, chỉ số SQ gần với kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; chỉ số CQ gần với tư duy sáng tạo, chỉ số EQ gần với kỹ năng kiểm soát cảm xúc...



Hình 1a. Mức cải thiện 21 kỹ năng trong môn học thuyết trình



Hình 1b. Mức cải thiện 21 kỹ năng trong môn học thuyết trình



Hình 2a. Mức cải thiện 8 chỉ số thông minh trong môn học thuyết trình

Hình 1a cho thấy sự thay đổi rất đáng khích lệ khi đa số sinh viên ghi nhận ở mức cao 3, 4, 5. **Hình 1b** chỉ ra 11 kỹ năng nhiều người (18-21 người) ghi nhận tiến bộ ở các mức từ 3-5; 02 kỹ năng quan trọng nhất trong diễn thuyết là *Lắng nghe* và *Sử dụng ngôn ngữ* ghi nhận nhiều người tiến bộ nhất (21 người); Nổi bật nhất là 14/24 sinh viên bày tỏ tiến bộ mức 4 về *kỹ năng sáng tạo*.

Vẫn là các nhóm kỹ năng trên nhưng khi qui về 8 chỉ số đa trí tuệ. Trong **hình 2a**, ưu thế về số liệu thuộc về mức 2, 3, 4 và nổi trội hơn ở mức 3, 4. **Hình 2b** cho thấy mức chỉ số *Cảm xúc*,

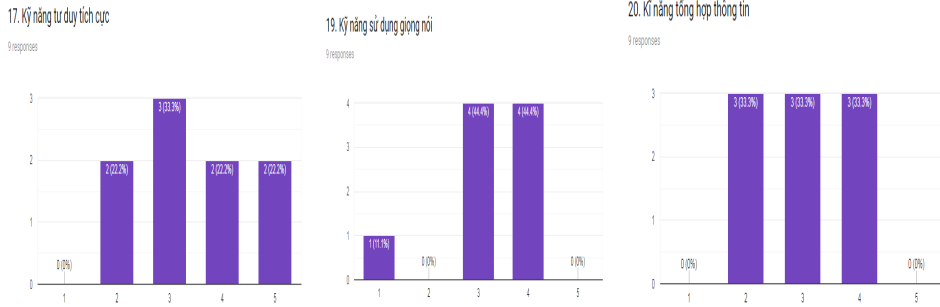
Sáng tạo và *Biểu đạt ngôn ngữ* vẫn chiếm ưu thế nhất khi có 18-20 người lựa chọn mức 3, 4, 5. Sự khác biệt nhỏ thể hiện ở chi tiết sau: trong 21 kỹ năng thì kỹ năng *giải quyết vấn đề* gần gũi nhất với chỉ số *Vượt khó AQ*. Theo hệ quy chiếu kỹ năng thì có 17 người cải thiện ở mức 3, 4, 5 so với 15 người cải thiện ở cùng các mức đối với hệ quy chiếu chỉ số thông minh. Và dù có sự khác biệt chút ít ở mức 2 và 5 nhưng cả bảng a và b đều thống nhất khi ghi nhận mức cải thiện phổ biến của người học là mức 3 và 4.

Khóa 62 (9 sinh viên)

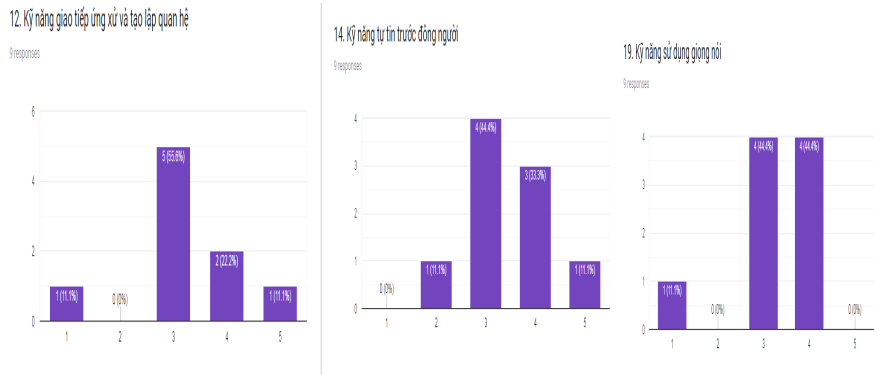
Phát bảng hỏi trực tuyến

Các sinh viên tham gia để tự đánh giá tiến bộ về 21 kỹ năng và 8 chỉ số. Chúng tôi chọn một vài số liệu tiêu biểu để minh họa. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về các kỹ năng biểu thị bằng biểu đồ cột (Hình 3) và về các chỉ số

thông minh bằng biểu đồ hình tròn (Hình 4). Thay vì 5 lựa chọn tương ứng 5 mức 1, 2, 3, 4, 5 chúng tôi sử dụng các diễn đạt khác 1 = thay đổi ít, 2 = thay đổi trung bình, 3 = thay đổi rõ rệt, 4 = thay đổi nhiều, 5 = thay đổi rất nhiều. Phản hồi của sinh viên thường là mức 3 và 4.



Hình 3. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về các kỹ năng



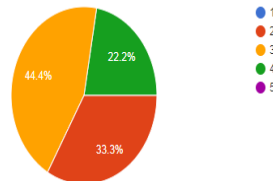
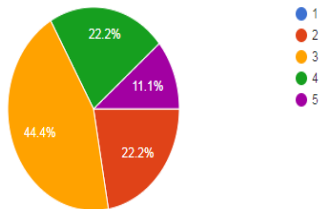
Hình 4. Kết quả tự đánh giá của sinh viên về các chỉ số thông minh

1. EQ/EMOTIONAL QUOTIENT TRÍ THÔNG MINH CẢM XÚC

8. MQ/MEANING QUOTIENT CHỈ SỐ Ý NGHĨA

9 responses

9 responses



Những đánh giá trực tuyến bằng lời cũng rất đáng khích lệ, như:

“Em thật sự thích sự đổi mới trong phương

pháp giảng dạy, tính năng động và sáng tạo của những buổi học, giúp em từ một người sợ đứng trước đám đông cũng đã cải thiện

phần nào, khiến em có cảm giác mình thật amazing:3”

“Những dự án của cô dù thực sự ban đầu nó khá phiền nhưng khi bắt tay vào làm và tạo ra một sản phẩm lại tạo ra niềm vui và đam mê”.

“Em thấy cô nên giữ việc đưa các dự án vào khóa học vì nó rất hữu ích và thực tế, các bạn sẽ có cơ hội tiếp cận với những yêu cầu của xã hội, cho các bạn làm bài tập, thu, đăng video lên nhiều hơn nữa”.

“Ở trong khoá học, điều em không thích đó là phải quay video @@, nhiều lúc em thấy rất nản, nhưng em nghĩ nó rất tốt, tạo nhiều thói quen tốt và ôn lại bài:)). Do vậy, em hi vọng khoá sau phải quay video nhiều hơn”.

“Em nghĩ chắc mình hơi dần trải nhiều kỹ năng nên kỹ năng quan trọng trong môn này chưa được rèn luyện tới nơi tới chốn, có chỗ quên rồi. Em hy vọng những khóa sau cô tập trung nhiều hơn cho các bạn rèn luyện các kỹ năng giọng nói thật nhiều và luyện tập thành thực các kỹ thuật cực kỳ quan trọng trong diễn thuyết, bao gồm cả tư duy phản biện nữa, rồi mình mới lan rộng ra các kỹ thuật khác”

Phỏng vấn sâu

Sinh viên đạt điểm số cao nhất khóa “Đây không phải là một khóa học về mưu mẹo, các “tips and tricks” về diễn thuyết, càng không phải là “nghệ thuật” diễn thuyết mà là “khoa học” về diễn thuyết. Có lẽ đây là thứ để lại nhiều ấn tượng trong tôi nhất kể cả đến bây giờ nên mong giảng viên tiếp tục truyền lại ý tưởng này cho những khóa sau. [...] Tôi đã ra khỏi “vùng an toàn” của chính mình” - Trần Việt Tùng.

Sinh viên tiến bộ nhiều nhất khóa “Thay vì kiểu học gao áp lực sang học tư duy sáng tạo không gây áp lực cho người học, vẫn tạo được động lực và cảm hứng mạnh trong việc

học. Khóa học đã thay đổi cách suy nghĩ về ngoại ngữ rằng: nó không phải là môn học, mà nó chính là phương tiện của tiếp thu tri thức, sáng tạo và phát triển bản thân” - Ninh Linh.

Tổng hợp các nội dung nhận xét và đánh giá của sinh viên cho thấy kết quả như sau:

- sự thay đổi về kỹ năng và chỉ số là **rõ rệt** và **nhieu**. Chỉ số *Cảm xúc*, *Sáng tạo* và *Biểu đạt ngôn ngữ* vẫn chiếm ưu thế nhất tương đồng với 3 kỹ năng người học ghi nhận sự tiến bộ cao nhất là *kỹ năng sáng tạo*, *kỹ năng lắng nghe* và *kỹ năng sử dụng ngôn ngữ*.

- **sự hứng thú** thậm chí **đam mê** với môn học tăng dần do được học tập với các nội dung thực tế và chú trọng thực hành mặc dù có sinh viên thú nhận sự phiền hà lúc đầu vì chưa quen

- **thay đổi tư duy** học tập, coi tiếng Anh là công cụ, học để phát triển bản thân

- sinh viên làm chủ các kiến thức môn học, tự giác vận dụng sáng tạo và nhuần nhuyễn các kỹ năng tổng hợp cho bài thuyết trình độc lập cuối khóa. Bài cuối khóa mang lại nhiều hứng khởi vì nó không còn là sự bắt buộc mà là sản phẩm mang đậm **bản sắc và năng lực cá nhân**.

Nhật kí của giảng viên

Giảng viên với vai trò là người hướng dẫn theo dõi, phản hồi kịp thời các sản phẩm giao nộp, tham gia phân công nhiệm vụ, điều hòa các tương tác và đánh giá giữa sinh viên với nhau. Giảng viên học hỏi nhiều từ người học và có động lực cải thiện bản thân, nghiệp vụ; nhìn ra những khó khăn của toàn bộ quá trình và được gợi ý các ý tưởng sáng tạo để giải quyết vấn đề nảy sinh cho các lớp tiếp theo. Điều đáng khích lệ nhất là được chứng kiến sinh viên tự tìm thấy đam mê học tập và thay đổi rõ rệt, sẵn sàng đón nhận những việc chưa từng làm với tâm trạng hào hứng và sẵn sàng.

Các thông tin phản hồi từ sinh viên cho thấy họ xác định rõ các mục tiêu về kỹ năng, phân tích chân thực và nhận ra tác động tích cực từ khóa học tích hợp các dự án chủ trọng thực hành. Điều thú vị nhất là sau các khóa học này các em trở nên tự tin hơn, hạnh phúc hơn, sáng tạo hơn, dám sẵn sàng thử sức với những ý tưởng mới và thiết tha mong muốn các bạn khác cũng được tiếp cận với mô hình học tập này.

3. Kết luận

Nhóm nghiên cứu chúng tôi đã ghi nhận các tác động khá mạnh mẽ và tích cực đối với người học, người dạy và không khí học tập. Sự đổi mới nằm ở chỗ, thay vì bằng mọi cách đạt mục tiêu khóa học một cách máy móc, người dạy tạo ra các nhiệm vụ thực tế, ý nghĩa mà khi hoàn thành nhiệm vụ đó, người học vừa đạt mục tiêu vừa có cơ hội phát triển các năng lực thiết thực trong môi trường học thuật và trong đời sống.

Để người học nắm bắt mục tiêu phức hợp của môn học, người dạy cần truyền đạt các mục tiêu này một cách hệ thống, liên tục và lặp lại (lặp về nội dung nhưng đa dạng về hình thức) từ đầu đến cuối khóa học. Như vậy, sinh viên nhận ra họ sẽ đạt được nhiều mục tiêu khả thi sau khóa học và tăng động lực phấn đấu. Ngoài ra, các dự án học tập trong khóa học này đã cân nhắc đến những đặc điểm về não bộ, tâm lý, xã hội của người học để hạn chế tối đa sự chán nản, tăng cường đối đa tương tác xã hội để cải thiện hứng thú. Ví dụ tăng cường sử dụng màu sắc, âm nhạc, hình ảnh, mô hình trong lớp học, tạo đủ cơ hội làm việc nhóm để tăng cường tương tác giữa người học tạo cảm xúc tích cực, giúp quản lý ổn thỏa các nhiệm vụ tư duy.

Tuy nhiên, khó khăn ở chỗ do khóa học có nhiều nội dung mới mẻ nên ban đầu sinh viên còn nghi ngờ và ngại thực hiện. Lúc này

giảng viên cần chuyển bớt vai trò từ người giảng kiến thức sang vai trò lãnh đạo học tập (learning leader) và cùng học với sinh viên (co-learner) để hỗ trợ và cổ vũ các em thực hiện được nhiệm vụ. Thêm nữa, đây là khóa học mà các kết quả đánh giá dự án ngoại khóa được tính vào 40% điểm bao gồm chuyên cần, tiến bộ, giữa kì, ngoại khóa¹. Theo nhận định của chúng tôi, tỉ lệ này chưa có tính khích lệ cao nhưng cũng đủ tạo động lực để sinh viên tham gia. (Trong một số lớp học tiếng Anh cơ sở khác, chúng tôi cũng áp dụng hình thức học ngoại khóa, nhưng số lượng và tính phức hợp của các dự án thấp hơn rất nhiều và mức độ tham gia của sinh viên giảm mạnh; chủ yếu các em có sẵn ý thức học tập mới tham gia hào hứng. Một trong các nguyên nhân có thể là do kết quả đánh giá từ các hoạt động ngoại khóa chưa được tính vào điểm số của môn học).

Tóm lại, thay đổi về cách dạy-học trong nghiên cứu này vẫn còn khiêm tốn và chưa đáng kể, nhưng chắc chắn giúp cho không khí của lớp học thêm sinh động, mới mẻ, giúp các sinh viên nhận biết và xây dựng thêm những chiến lược học tập chủ trọng thực hành, gần gũi thực tế và giàu cảm hứng; giúp cho người dạy từng bước xóa mờ lối tư duy cũ về dạy học thiên về kiến thức kinh viện và thiếu thực hành.

Chúng tôi hi vọng những nỗ lực mới từ các bên liên quan để có những chính sách tích cực về kiểm tra đánh giá, hình thức học tập,.. đồng thời vẫn không ngừng tìm kiếm giải pháp khả thi trong phạm vi lớp học.

¹ Do các dự án bổ trợ các kỹ năng cần thiết cho bài thi giữa kì hoặc cuối kì, nên khi sinh viên tham gia các dự án thì điểm thi cũng tự nhiên được cải thiện.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết Trung ương 8 khóa 11 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.

Nguyễn Thị Hằng Nga (2017). Giảng viên tự đổi mới và phát triển: bằng cách nào? (Chuẩn bị đội ngũ giảng viên đáp ứng tích cực đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo). Kỳ yếu Hội thảo quốc tế *Giảng dạy ngoại ngữ ở các nước ASEAN*. Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2017.

Nguyễn Thị Hằng Nga và cộng sự (2017). Quản trị bằng mục tiêu để khơi nguồn Dopamine nội sinh, gia tăng hứng thú học tập. Kỳ yếu Hội thảo khoa học quốc gia *Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ & quốc tế học tại Việt Nam*. Hà Nội.

Tiếng Anh

Delors, J. et al. (1996). *Learning: the treasure within; report to UNESCO of the International Commission on Education for the Twenty-first Century (highlights)*. UNESCO. Truy cập ngày 30/6/2019 tại <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000109590>.

Hussin, A. A. (2018). Education 4.0 Made Simple: Ideas For Teaching. *International Journal of Education and Literacy Studies*, 6(3), 92-98. Truy cập ngày 30/6/2019 tại <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1190812.pdf>

World Economic Forum. (2018). *The Future of Jobs Report 2018*. Truy cập ngày 30/6/2019 tại http://www3.weforum.org/docs/WEF_Future_of_Jobs_2018.pdf

Phụ lục: Bảng Mục tiêu gia tăng

STT	Các kỹ năng liên quan trong khóa học	Sinh viên phát triển kỹ năng trong các nội dung nào của khóa học?
1	Kỹ năng lãnh đạo bản thân	Hoàn thành các nhiệm vụ, các dự án, qui định môn học
2	Kỹ năng giải quyết vấn đề	Tìm cách thực hiện các nhiệm vụ được giao
3	Kỹ năng sáng tạo	Tổng hợp tài liệu, viết kịch bản, làm slides,...
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc	Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ và đặc biệt bài thuyết trình cuối khóa
6	Kỹ năng sử dụng CN thông tin và truyền thông	Quay video, làm video, slides, poster, ...
7	Kỹ năng học và tự học	Làm video cá nhân, viết kịch bản, luyện giọng và cử chỉ, nét mặt
8	Kỹ năng lắng nghe	Tương tác với khán giả khi luyện và diễn
9	Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ	Đọc tài liệu, viết kịch bản, diễn thuyết
10	Kỹ năng đặt mục tiêu	Xác định mục tiêu của khóa học, của buổi học, của mỗi dự án học tập
11	Kỹ năng tự tạo động lực làm việc	Khi luyện hát, diễn tập kịch bản
12	Kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp	Ý thức về khóa học không chỉ mang lại điểm số mà mang đến cơ hội phát triển phẩm chất của cá nhân cũng như các nhóm năng lực phục vụ cho nghề nghiệp
13	Kỹ năng giao tiếp ứng xử và tạo lập quan hệ	Ứng phó câu hỏi, mở đầu diễn thuyết
14	Kỹ năng ca hát trước đông người	Diễn tập và hát trước lớp
15	Kỹ năng tự tin trước đông người	Hát, thuyết trình, chia sẻ video cá nhân trong nhóm học tập

16	Kỹ năng kiểm soát cảm xúc	Kiểm soát nỗi sợ khán giả, bực bội hoặc chán nản với khán giả để duy trì thái độ tích cực
17	Kỹ năng quan sát	Quan sát và phân tích các diễn giả mẫu và các bạn trong lớp khi luyện tập
18	Kỹ năng tư duy tích cực	Giữ thái độ tích cực khi diễn thuyết, dùng ngôn ngữ tích cực, khắc phục khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ, ...
19	Kỹ năng tư duy phản biện	Thu thập và tổng hợp tư liệu về nội dung trình bày, khi lắng nghe các diễn giả khác, đặt câu hỏi.
20	Kỹ năng sử dụng giọng nói	Luyện kỹ thuật giọng nói
21	Kỹ năng tổng hợp thông tin	Viết kịch bản, nghe các diễn giả khác, làm poster ôn tập lý thuyết
22	Kỹ năng liên hệ thực tế	Viết kịch bản, quan sát các diễn giả mẫu

Các chỉ số đa trí tuệ	Sinh viên gia tăng chỉ số trong các nội dung nào của khóa học?
IQ/INTELLIGENCE QUOTIENT CHỈ SỐ THÔNG MINH	Đọc, nghe, tìm hiểu và viết về các chủ đề
EQ/EMOTIONAL QUOTIENT TRÍ THÔNG MINH CẢM XÚC	Nghiên cứu bản thân và khán giả, kiểm soát cảm xúc và tương tác khán giả
SQ/SOCIAL QUOTIENT THÔNG MINH XÃ HỘI	Nghiên cứu bản thân và khán giả, kiểm soát cảm xúc và tương tác khán giả
CQ/CREATIVE INTELLIGENCE TRÍ THÔNG MINH SÁNG TẠO	Tổng hợp thông tin, xây dựng kịch bản, làm slides, trang trí poster, video, thể hiện bản sắc của cá nhân
PQ/PASSION QUOTIENT CHỈ SỐ ĐAM MÊ	Tìm đọc tài liệu, thực hiện các dự án tổng hợp
AQ/ADVERSITY QUOTIENT CHỈ SỐ VƯỢT KHÓ	Thực hiện các dự án tổng hợp, luyện hát, diễn kịch
SQ/SPEECH QUOTIENT TRÌNH ĐỘ BIỂU ĐẠT NGÔN NGỮ	Diễn kịch, diễn thuyết, viết, đọc các văn bản
MQ/MEANING QUOTIENT CHỈ SỐ Ý NGHĨA	Mang lại nội dung bổ ích cho khán giả, thiết thực với bản thân

INTRODUCTION OF HANDS-ON PROJECTS INVOLVING 8 INTELLIGENCES AND 21 WORK-READINESS SKILLS TO BOOST MOTIVATION IN ENGLISH PRESENTATION COURSES

Nguyen Thi Hang Nga

*Faculty of English, University of Foreign Languages and International Studies,
Vietnam Nation University, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Teaching-learning innovation has always been one of the national and educational leaders' political goals. "True learning, true career" has been known as a tough goal in Vietnam's latest national policy in education. Our research means to incorporate highly practical and hands-on projects involving 21 work-readiness skills and 8 intelligences to boost motivation in English presentation courses. Core concepts from Vietnamese Party's latest education reform policies, global education trends and WEF workforce forecast in 2018 have shed light on this 3-year study which then engaged 05 classes of English non-majored Advanced Program students in Vietnam National University. The data were exploited through online questionnaires, print questionnaires, indepth interviews and teaching logs. The results show an encouraging progress in all target skills among which *creative skills, listening skills, language skills* dominated, thereby increasing learners inspiration. The teachers also get more proactive and sense more opportunities for innovation. Hopefully, the article may be a friendly and easy implication for practitioners still confused when applying new concepts, contribute to innovative tertiary education and proudly and delightedly share the achievements of our hands-on courses.

Keywords: presentation skills, project-based learning, intelligences, work-readiness skills, motivation